
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN
YÊN BÁI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6-7
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	8-43
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>8-11</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>12</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>13-14</i>
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>15-44</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>45 - 51</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 09 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 14 tháng 7 năm 2015 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 09: 58.374.300.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Điện thoại : (84-29) 3885154
Fax : (84-29) 3885585
E-mail : ximangyb@gmail.com
Website : www.ybcmjsc.com
Mã số thuế : 5200216647

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
- Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng./.

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xi nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 51).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động trong năm tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 42.567.738.704 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 129.713.762.143 đồng. Những điều kiện này, chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang trên đà hồi phục, đầu tư công tăng mạnh. Sản lượng xi măng tiêu thụ trong năm 2015 giảm so với năm trước, tuy nhiên do giá bán cao hơn năm trước nên đã tạo ra lãi cho hoạt động này là 2.468.178.941 đồng. Sản lượng bột đá tiêu thụ được trong năm 2015 khoảng 207.000 tấn, đem lại cho đơn vị 48.391.311.824 đồng tiền lãi. Đây chính là sản phẩm chiến lược mà đơn vị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Quang Phú	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Hoàn	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Nguyên	Ủy viên
Ông Vũ Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Đặng Văn Thắng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quang Chiến	Trưởng ban
Ông Tống Văn Tý	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nghiễm Chang	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc
Ông Vũ Thanh Nghị	Phó Giám đốc
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Thanh Nghị	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phạm Quang Phú

Ngày 22 tháng 3 năm 2016



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0906.02/2015/NVT-BCTC
Ngày : 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2015 từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 Đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Y
U
N
T
A
M
V
I
E
T

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như đã nêu tại Thuyết minh số VII.8, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 42.567.738.704 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 129.713.762.143 đồng. Những điều kiện này, chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, năm 2015, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang trên đà hồi phục, đầu tư công tăng mạnh. Sản lượng xi măng tiêu thụ trong năm 2015 giảm so với năm trước, tuy nhiên do giá bán tăng lên nên đã tạo ra lãi cho hoạt động này là 2.468.178.941 đồng. Sản lượng bột đá tiêu thụ được trong năm 2015 khoảng 207.000 tấn, đem lại cho đơn vị 48.391.311.824 đồng tiền lãi. Đây chính là sản phẩm chiến lược mà đơn vị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tình hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNT số: 1690-2014-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà
GCNĐKHNT số: 1603-2014-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		149.944.185.993	150.588.962.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	2.144.545.269	3.292.107.871
1.	Tiền	111		2.144.545.269	3.292.107.871
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		39.452.019.926	49.026.172.864
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37.071.837.740	45.755.005.314
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.478.063.044	4.212.548.427
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.840.974.771	3.376.308.321
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.938.855.629)	(4.317.689.198)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	V.6	99.277.082.291	89.739.748.645
1.	Hàng tồn kho	141		99.277.082.291	89.739.748.645
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		9.070.538.507	8.530.933.386
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	8.137.386.468	7.930.533.130
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		829.689.958	496.938.175
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		103.462.081	103.462.081
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

100/100
H N
I E
A N

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.871.977.962	240.966.541.510
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		295.125.743	295.125.743
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	295.125.743	295.125.743
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		266.641.686.544	235.583.012.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	266.641.686.544	235.583.012.487
<i>Nguyên giá</i>	222		487.356.757.329	454.146.310.330
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(220.715.070.785)	(218.563.297.843)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.10	122.436.364	122.436.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(122.436.364)	(122.436.364)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.581.490.474	802.452.384
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.581.490.474	802.452.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.594.554.278	1.411.420.449
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	4.262.469.000	4.262.469.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(2.667.914.722)	(2.851.048.551)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.759.120.923	2.874.530.447
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.759.120.923	2.874.530.447
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		434.816.163.955	391.555.504.276

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		401.428.198.136	373.827.626.438
I. Nợ ngắn hạn	310		279.157.948.136	260.453.376.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	92.144.533.655	74.923.724.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	3.256.106.999	5.824.128.151
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	8.650.198.452	14.067.009.400
4. Phải trả người lao động	314		10.592.049.955	12.097.485.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3.590.061.855	371.212.090
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	10.833.288.001	16.432.119.557
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	150.091.709.219	136.737.697.285
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		122.270.250.000	113.374.250.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	122.270.250.000	113.374.250.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.387.965.819	17.727.877.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	33.387.965.819	17.727.877.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.374.300.000	48.374.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.374.300.000	48.374.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.086.494.455	9.141.949.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		261.000.000	261.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(258.200.000)	(258.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.492.110.068	8.492.110.068
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(42.567.738.704)	(48.283.281.230)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(48.283.281.230)	(52.738.018.353)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.715.542.526	4.454.737.123
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		434.816.163.955	391.555.504.276

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hoàng

Lập ngày 22 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	463.866.490.307	484.000.851.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	989.783.918
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		463.866.490.307	483.011.067.833
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	422.324.578.915	434.826.762.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.541.911.392	48.184.305.263
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.717.699	4.799.529
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	26.477.080.163	28.087.638.248
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.660.213.992	28.534.718.005
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.829.496.992	3.886.625.645
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.654.384.422	10.917.870.844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.584.667.514	5.296.970.055
11. Thu nhập khác	31	VI.8	5.695.954.514	13.907.182
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.565.079.502	856.140.114
13. Lợi nhuận khác	40		2.130.875.012	(842.232.932)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.715.542.526	4.454.737.123
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.715.542.526	4.454.737.123
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.069	926
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập ngày 22 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.715.542.526	4.454.737.123
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.477.451.152	18.051.485.800
- Các khoản dự phòng	03		438.032.602	1.268.194.628
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(673.503)	4.446.999
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.400.449.773)	(4.799.529)
- Chi phí lãi vay	06		26.660.213.992	28.534.718.005
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.890.116.996	52.308.783.026
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.620.656.392	(6.173.486.411)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.537.333.646)	(26.191.672.791)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.976.985.026	27.681.952.818
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10.239.156.567)	7.016.268.876
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.286.639.254)	(30.448.555.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.424.628.947	24.193.290.084
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(53.270.044.969)	(6.377.319.815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.044.196	4.799.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.767.000.773)	(6.372.520.286)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.944.545.455	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	244.463.889.336	223.626.898.533
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(222.213.877.402)	(239.618.366.423)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.194.557.389	(15.991.467.890)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.147.814.437)	1.829.301.908
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.292.107.871	1.467.252.962
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	251.835	(4.446.999)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.144.545.269	3.292.107.871

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập ngày 22 tháng 3 năm 2016



Giám đốc

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Sản xuất xi măng;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Vận tải hàng hóa.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Bao gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xi nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 22%.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.661.462.776	158.851.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	483.082.493	3.133.256.736
Cộng	<u>2.144.545.269</u>	<u>3.292.107.871</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>37.071.837.740</i>	<i>45.755.005.314</i>
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Đồng Tâm Xanh	514.431.800	1.520.954.000
Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng huyện Lục Yên	89.350.000	1.640.732.000
Công ty cổ phần LATCA Việt nam	59.432.000	2.456.778.900
Công ty TNHH Việt nam MMT	2.943.399.915	1.977.943.572
Công ty TNHH một thành viên Trường Hải	169.783.400	1.555.320.000
Công ty TNHH thương mại hoá chất Minh Đức	1.521.977.658	1.260.244.650
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quỳnh Anh	1.500.500.000	-
Phải thu khách hàng khác	30.272.962.967	35.343.032.192
Cộng	<u>37.071.837.740</u>	<u>45.755.005.314</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>3.478.063.044</i>	<i>4.212.548.427</i>
Công ty TNHH thương mại và Đầu tư Tây bắc	-	963.407.260
Công ty TNHH Khoáng sản V.Star	-	950.179.465
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	-	500.000.000
Ông Phạm Mạnh Hà	517.000.000	-
Công ty CP Cát Thịnh	805.477.860	-
Đối tượng khác	2.155.585.184	1.798.961.702
Cộng	<u>3.478.063.044</u>	<u>4.212.548.427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.840.974.771	(29.100.000)	3.376.308.321	(29.100.000)
Tạm ứng	2.493.865.192	(22.100.000)	1.837.511.805	(22.100.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.347.109.579	(7.000.000)	1.538.796.516	(7.000.000)
<i>Trợ cấp ốm đau thai sản</i>	164.802.500		517.620.880	
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	356.432.647		224.515.491	
<i>Phải thu các cá nhân về tiền vay</i>	177.135.165	(7.000.000)	61.736.000	(7.000.000)
<i>Các khoản phải thu khác</i>	648.739.267		734.924.145	
Cộng	3.840.974.771	(29.100.000)	3.376.308.321	(29.100.000)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4.317.689.198)	-	(4.317.689.198)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.211.806.116)	-	(1.211.806.116)
Giảm do hoàn nhập	590.639.685	-	590.639.685
Số cuối năm	(4.938.855.629)	-	(4.938.855.629)

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	90.159.172.740	-	65.173.071.177	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.844.541.458	-	15.036.707.900	-
Thành phẩm	2.256.068.093	-	9.529.969.568	-
Cộng	99.277.082.291	-	89.739.748.645	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	7.902.121.338	7.769.157.639
Chi phí CCDC	195.026.667	114.311.333
Chi phí trả trước khác	40.238.463	47.064.158
Cộng	8.137.386.468	7.930.533.130

8. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	148.594.556.987	285.649.505.140	19.902.248.203	454.146.310.330
Mua trong năm	260.600.000	636.385.946	216.818.181	1.113.804.127
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.104.031.811	47.001.744.565		50.105.776.376
Thanh lý, nhượng bán	(3.552.133.940)	(13.876.138.693)		(17.428.272.633)
Giảm khác		(580.860.871)		(580.860.871)
Số cuối năm	148.407.054.858	318.830.636.087	20.119.066.384	487.356.757.329
<i>Trong đó:</i>				
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	21.557.967.530	34.650.814.231	3.125.117.155	59.333.898.916
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	66.831.814.163	142.344.225.801	9.387.257.879	218.563.297.843
Khấu hao trong năm	6.372.286.962	9.880.682.990	1.224.481.200	17.477.451.152
Thanh lý, nhượng bán	(3.249.753.673)	(12.075.924.537)		(15.325.678.210)
Số cuối năm	69.954.347.452	140.148.984.254	10.611.739.079	220.715.070.785
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	81.762.742.824	143.305.279.339	10.514.990.324	235.583.012.487
Số cuối năm	78.452.707.406	178.681.651.833	9.507.327.305	266.641.686.544

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 440.835.982.364 đồng và 220.120.911.579 đồng được chấp để đảm bảo cho các khoản vay trung hạn tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 122.436.364 đồng, thời gian khấu hao 05 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng/giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	-	51.675.271.242	49.624.806.776	(580.860.871)	2.631.325.337
Móng máy nghiền đứng	-	236.288.249	236.288.249	-	-
Nhà đặt máy nén khí và PDK	-	35.728.800	35.728.800	-	-
Băng tải vận chuyển	-	59.191.500	59.191.500	-	-
HT cấp động lực cấp nguồn	-	147.199.445	147.199.445	-	-
Hệ thống khí nén máy nghiền	-	34.430.832	34.430.832	-	-
Bình tích khí	-	34.225.000	34.225.000	-	-
Móng máy nghiền đứng	-	535.594.961	535.594.961	-	-
HT điện động lực máy nghiền đứng	-	383.424.374	383.424.374	-	-
HT khí nén máy nghiền đứng	-	67.474.100	67.474.100	-	-
Máy nén khí	-	129.225.000	129.225.000	-	-
HT băng tải, gầu tải máy nghiền đứng	-	228.625.000	228.625.000	-	-
Trạm biến áp 1000 KVA - 0,4 V	-	863.472.727	863.472.727	-	-
Sơ đồ nguyên liệu	-	400.000.000	400.000.000	-	-
Lắp đặt máy nghiền	-	154.000.000	154.000.000	-	-
Phòng điều khiển	-	70.198.600	70.198.600	-	-
Dây chuyền máy nghiền (tạm tăng tài sản do đã đưa vào sử dụng)	-	48.296.192.654	46.245.728.188	-	2.050.464.466
Móng máy nghiền bột đá	-	-	-	(580.860.871)	580.860.871
Sửa chữa lớn tài sản cố định	802.452.384	23.223.824.746	480.969.600	11.595.142.393	11.950.165.137
Cộng	802.452.384	74.899.095.988	50.105.776.376	11.014.281.522	14.581.490.474

12. Đầu tư vào góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

13. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.851.048.551)	(3.382.348.919)
Tăng do trích lập trong năm		
Số hoàn nhập trong năm (*)	183.133.829	531.300.368
Số cuối năm	(2.667.914.722)	(2.851.048.551)

(*) Số hoàn nhập trong năm dựa trên số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đo vẽ bản đồ quyền khai thác khoáng sản	-	74.711.400
Chi phí san tạo mặt bằng, lán đường	-	150.662.231
Đại tu máy kẹp hàm	-	59.400.556
Chi phí sửa chữa tàu vận chuyển đá	-	87.699.950
Giá trị còn lại của TSCĐ theo TT45/2013/TT-BTC	-	190.424.191
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	894.446.631	1.788.893.262
Chi phí định giá mỏ đá hoa	-	16.666.667
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng khu vực bến cảng bốc xếp xã Mông Sơn	31.655.555	55.397.222
Máy điều hoà nhiệt độ	-	59.543.333
Búa đập đá	-	100.000.000
Hạ độ dốc đường khai thác đá	174.678.980	291.131.635
Thay xà gỗ, mái tôn nhà trụ sở văn phòng	104.356.060	-
Thăm dò thiết kế khai thác đá	296.969.697	-
Đại tu xe ô tô ISUZU	61.560.000	-
Chi phí nguyên liệu phục vụ sản xuất (vỏ bao xuất dùng nhiều lần)	195.454.000	-
Cộng	<u>1.759.120.923</u>	<u>2.874.530.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>92.144.533.655</i>	<i>74.923.724.219</i>
Công ty kinh doanh than Tây Bắc-Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-V	-	7.497.588.180
Công ty TNHH Yên Phú	1.832.033.700	3.000.393.800
Công ty Cổ phần công nghiệp thương mại sông Đà	2.686.622.000	5.446.145.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	3.442.400.000	5.542.400.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải Minh Hiếu	-	3.299.250.000
Công ty Điện lực Yên Bái	2.368.683.101	4.919.974.564
Hợp tác xã Dịch vụ Khai thác và vận chuyển đá Trung Kiên	-	7.029.806.594
Fujan Fengli Machinery Technology	4.764.551.625	4.764.551.625
Công ty TNHH vận tải Phúc Hưng Long	6.273.052.987	4.222.941.292
Hợp tác xã khai thác và vận chuyển đá Đức Giang	8.949.119.330	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Phát Quốc Tế	3.943.000.000	-
Công ty Cổ phần vận tải Khánh an	19.881.487.920	-
Phải trả cho các đối tượng khác	38.003.582.992	29.200.673.164
Cộng	<u>92.144.533.655</u>	<u>74.923.724.219</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>3.256.106.999</i>	<i>5.824.128.151</i>
Công ty TNHH Đồng Tiến	-	1.045.980.549
Công ty TNHH Một Thành Viên Trường Hải	-	1.686.794.361
Công ty TNHH rupi Hoàng Sơn	902.000.000	-
Các đối tượng khác	2.354.106.999	3.091.353.241
Cộng	<u>3.256.106.999</u>	<u>5.824.128.151</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.662.151.372	-	5.242.143.498	13.369.337.839	4.534.957.031	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	103.462.081	-	-	-	103.462.081
Thuế thu nhập cá nhân	103.248.123	-	180.215.516	258.881.094	24.582.545	-
Thuế tài nguyên	529.867.300	-	5.179.246.945	4.140.806.550	1.568.307.695	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	687.532.782	305.298.200	382.234.582	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	771.742.605	-	4.603.163.704	3.234.789.710	2.140.116.599	-
Cộng	14.067.009.400	103.462.081	15.895.302.445	21.312.113.393	8.650.198.452	103.462.081

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 22%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.590.061.855	371.212.090
Chi phí lãi vay phải trả	1.744.786.828	371.212.090
Chi phí điện, nước phải trả	1.845.275.027	-
Cộng	3.590.061.855	371.212.090

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	10.833.288.001	16.432.119.557
Kinh phí công đoàn	629.569.635	466.763.215
BHXH, BHYT, BHTN	5.297.945.347	5.273.792.557
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	166.573.520	511.253.460
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.900.105.455	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.152.235.044	9.693.451.325
Cộng	10.833.288.001	16.432.119.557

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	128.331.709.219	128.331.709.219	120.577.697.285	120.577.697.285
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN Yên Bái (a)	94.962.317.503	94.962.317.503	86.597.365.340	86.597.365.340
Vay ngắn hạn - Ngân hàng NN Yên Bình (b)	33.369.391.716	33.369.391.716	33.980.331.945	33.980.331.945
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	21.760.000.000	21.760.000.000	16.160.000.000	16.160.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN Yên Bái	21.760.000.000	21.760.000.000	16.160.000.000	16.160.000.000
Cộng	150.091.709.219	150.091.709.219	136.737.697.285	136.737.697.285

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2015/783294/HĐTD ngày 25 tháng 5 năm 2015, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức số 04/2015/783294/HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2015. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị phần xây lắp và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nhà máy chế biến CaCO₃; nhà máy xi măng lò quay, nhà máy xi măng lò đứng, văn phòng công ty, xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái

(b): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN huyện Yên Bình, Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02-2015/HĐTD ngày 14 tháng 01 năm 2015 để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác khoáng sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 35-2014/HĐTC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	
				Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	120.577.697.285	211.258.889.336	-	203.504.877.402	128.331.709.219
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN NH Yên Bái	86.597.365.340	127.870.578.442	-	119.505.626.279	94.962.317.503
Vay ngắn hạn - Ngân hàng NN Yên Bình	33.980.331.945	83.388.310.894	-	83.999.251.123	33.369.391.716
Vay dài hạn đến hạn trả	16.160.000.000	-	21.260.000.000	15.660.000.000	21.760.000.000
Cộng	136.737.697.285	211.258.889.336	21.260.000.000	219.164.877.402	150.091.709.219

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	106.849.250.000	106.849.250.000	107.109.250.000	107.109.250.000
Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và PT (a)	106.849.250.000	106.849.250.000	107.109.250.000	107.109.250.000
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	15.421.000.000	15.421.000.000	6.265.000.000	6.265.000.000
Cộng	122.270.250.000	122.270.250.000	113.374.250.000	113.374.250.000

(a) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam –Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2011HD ngày 13/10/2011 để đầu tư cải tạo nhằm tiết kiệm điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền siêu mịn bột Cacbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2011 đến năm 2018). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/HDTD ngày 28/9/2005 đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy xi măng Yên Bái công suất 300.000 tấn Klinker/năm với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2008 đến năm 2014) và được ân hạn 02 năm (Từ năm 2005 đến năm 2007). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Hợp đồng vay này được điều chỉnh giãn lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư các dây chuyền sản xuất từ năm 2014 lên năm 2019 (Gia hạn thêm 05 năm).

- Hợp đồng số 01/2012/HDTD ngày 28/7/2012 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- Thiếu hụt vốn tự có Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Nhà máy xi măng Yên Bái Công suất 300.000 tấn Clinker/năm) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2012 đến năm 2019). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2013/HDTD ngày 10/12/2013 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- đầu tư tài sản cố định năm 2011 từ nguồn vốn ngắn hạn) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2013 đến năm 2020). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01/2012/HĐ ngày 13/3/2012.

- Hợp đồng số 02/2014/783294/HDTD ngày 27/06/2014 đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy CaCO₃ với thời gian 7 năm(Từ năm 2014 đến năm 2021). Khoản này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/783294/HĐ ngày 13/06/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản.Lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2015/783294/HDTD ngày 17/6/2015. Mục đích vay: tài trợ dự án Đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm, số tiền vay 22.000.000.000 với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm áp dụng đến 17/12/2015 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV; Tài sản đảm bảo là Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm thuộc nhà máy xi măng Yên Bái và Quyền khai thác mỏ đá

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	21.760.000.000	16.160.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	122.270.250.000	113.374.250.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>144.030.250.000</u>	<u>129.534.250.000</u>

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác</u>
Số đầu năm	107.109.250.000	6.265.000.000
Số tiền vay phát sinh	22.000.000.000	11.205.000.000
Số tiền vay đã trả	(500.000.000)	(2.549.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(21.260.000.000)	-
Số cuối năm	<u>107.349.250.000</u>	<u>14.921.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	7.160.537.075	1.331.572.993	(52.738.018.353)	13.273.140.715
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.454.737.123	4.454.737.123
Số dư cuối năm trước	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	7.160.537.075	1.331.572.993	(48.283.281.230)	17.727.877.838
Số dư đầu năm nay	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(48.283.281.230)	17.727.877.838
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	5.715.542.526	5.715.542.526
Phát hành cổ phiếu trong năm (*)	10.000.000.000	(55.454.545)	-	-	-	-	-	9.944.545.455
Số dư cuối năm nay	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(42.567.738.704)	33.387.965.819

(*) Công ty thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 368/NQ-DHDCĐ ngày 23 tháng 11 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 104/2015/NQ-HDQT ngày 20 tháng 5 năm 2015 với tổng số lượng phát hành là 1.000.000 cổ phần, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.837.430	4.837.430
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.837.430	4.837.430
- Cổ phiếu phổ thông	5.837.430	4.837.430
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- Cổ phiếu phổ thông	(25.820)	(25.820)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.811.610	4.811.610
- Cổ phiếu phổ thông	5.811.610	4.811.610

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	237,95	259,61
Euro (EUR)	0,16	0,16

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	448.054.835.528	463.881.089.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.811.654.779	20.119.762.730
Tổng doanh thu	<u>463.866.490.307</u>	<u>484.000.851.751</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	5.510.000
Chiết khấu thương mại	-	984.273.918
Cộng	<u>-</u>	<u>989.783.918</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	406.512.924.136	414.706.999.840
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.811.654.779	20.119.762.730
Cộng	<u>422.324.578.915</u>	<u>434.826.762.570</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.044.196	4.799.529
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	673.503	-
Cộng	<u>3.717.699</u>	<u>4.799.529</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.660.213.992	28.534.718.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	79.773.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	4.446.999
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(183.133.829)	(531.300.368)
Cộng	<u>26.477.080.163</u>	<u>28.087.638.248</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.141.544.640	1.172.652.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.373.502	903.260.945
Các chi phí khác	1.271.578.850	1.810.711.955
Cộng	<u>2.829.496.992</u>	<u>3.886.625.645</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.928.144.258	5.667.805.812
Chi phí vật liệu quản lý	298.742.236	367.114.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.919.092	91.138.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.526.484	35.555.220
Thuế, phí và lệ phí	244.536.104	899.385.633
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	621.166.431	1.799.494.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	606.589.031	636.209.633
Các chi phí khác	1.559.760.786	1.421.166.114
Cộng	<u>8.654.384.422</u>	<u>10.917.870.844</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	3.500.000.000	-
Hỗ trợ sau đầu tư DA ĐTXDCT mở rộng NMXM CS 300.000T/clinke	1.823.845.854	-
Thu nhập do khách hàng không nhận hàng	90.108.657	-
Thu từ bảo hành	260.000.000	-
Thu nhập khác	22.000.003	13.907.182
Cộng	<u>5.695.954.514</u>	<u>13.907.182</u>

TY
HỮU
CÁN
VIỆ
P

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp bảo hiểm	462.086.375	722.512.834
Giá trị còn lại của tài sản cố định	2.102.594.423	-
Phí thu gom chất thải	-	10.000.000
Chi phúc lợi trong năm	433.075.000	123.570.000
Các khoản truy thu phạt theo quyết toán thuế	246.918.465	-
Phạt vi phạm hành chính	11.600.744	-
Chi phí hội thao ngành	105.815.000	-
Chi phí bán xi măng	70.720.000	-
Nộp thuế TNDN thay nhà thầu	132.269.495	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	57.280
Cộng	<u>3.565.079.502</u>	<u>856.140.114</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.715.542.526	4.454.737.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	720.605.584	722.512.834
	720.605.584	722.512.834
Tiền phạt truy thu thuế theo biên bản thanh tra thuế	246.918.465	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	462.086.375	722.512.834
Phạt vi phạm hành chính	11.600.744	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>6.436.148.110</u>	<u>5.177.249.957</u>
Lỗi năm trước được chuyển	(6.436.148.110)	(5.177.249.957)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.891.679.282	203.508.853.786
Chi phí nhân công	41.895.586.153	53.329.931.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.477.451.152	18.051.485.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.137.108.707	92.308.646.072
Chi phí dự phòng	621.166.431	1.799.494.996
Chi phí khác	68.356.744.386	73.603.690.142
Cộng	<u>399.379.736.111</u>	<u>442.602.102.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.715.542.526	4.454.737.123
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.715.542.526	4.454.737.123
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>5.347.418</u>	<u>4.811.610</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.069</u>	<u>926</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.811.610	4.811.610
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 15/6/2015	27.397	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 16/6/2015	32.712	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 17/6/2015	162.740	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19/6/2015	64.438	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22/6/2015	248.521	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.347.418</u>	<u>4.811.610</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.039.688.218	1.095.329.847

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker
- Lĩnh vực kinh doanh bột đá
- Lĩnh vực khác (gồm khai thác đá và vận chuyển).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

Năm nay	Xi măng	Klinker	Bột đá	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	201.925.110.235	46.098.272.747	174.059.863.396	41.783.243.929	463.866.490.307
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.925.110.235	46.098.272.747	174.059.863.396	41.783.243.929	463.866.490.307
Chi phí bộ phận	199.456.931.294	59.272.180.081	125.668.551.572	37.926.915.968	422.324.578.915
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.468.178.941	(13.173.907.334)	48.391.311.824	3.856.327.961	41.541.911.392
Chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(11.483.881.414)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	30.058.029.978
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	3.717.699
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(26.477.080.163)
Thu nhập khác	-	-	-	-	5.695.954.514
Chi phí khác	-	-	-	-	(3.565.079.502)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	5.715.542.526
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.499.175.496	5.364.718.633	20.256.337.966	4.862.554.146	53.982.786.241
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.403.896.127	1.918.558.298	7.244.175.874	1.738.971.649	19.305.601.948

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Xi măng vàklinker	Bột đá	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.140.317.698	988.615.054	8.128.932.752
Tài sản phân bổ cho bộ phận	228.198.135.827	160.146.740.487	388.344.876.314
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			38.342.354.889
Tổng tài sản			434.816.163.955
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	11.021.227.825	7.177.049.836	18.198.277.661
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	204.908.057.216	143.802.040.028	348.710.097.244
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			34.519.823.231
Tổng nợ phải trả			401.428.198.136
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.342.712.156	150.032.118	15.492.744.274
Tài sản phân bổ cho bộ phận	287.555.179.486	46.147.458.859	333.702.638.345
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			42.360.121.657
Tổng tài sản			391.555.504.276
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.468.551.457	2.930.821.101	7.399.372.558
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			366.428.253.880
Tổng nợ phải trả			373.827.626.438

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.144.545.269	3.292.107.871	2.144.545.269	3.292.107.871
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	32.162.082.111	41.444.146.116	32.162.082.111	41.444.146.116
Các khoản cho vay	-	61.736.000	-	61.736.000
Các khoản phải thu khác	4.107.000.514	3.609.698.064	4.107.000.514	3.609.698.064
Cộng	38.413.627.894	48.407.688.051	38.413.627.894	48.407.688.051
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	272.361.959.219	250.111.947.285	272.361.959.219	250.111.947.285
Phải trả người bán	92.144.533.655	74.923.724.219	92.144.533.655	74.923.724.219
Các khoản phải trả khác	25.015.399.811	28.900.817.383	25.015.399.811	28.900.817.383
Cộng	389.521.892.685	353.936.488.887	389.521.892.685	353.936.488.887

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	148.407.054.858	Giá trị của tài sản thế chấp được xác định lại trong các trường hợp sau:
Máy móc và thiết bị	272.309.861.122	- Hết thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm định giá gần nhất.
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.119.066.384	- Khi giá cả của tài sản cùng loại với tài sản thế chấp trên thị trường có biến động thay đổi giảm từ 20% trở lên so với giá của tài sản thế chấp thời điểm giá gần nhất
Cộng	<u>440.835.982.364</u>	
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	148.594.556.987	Giá trị của tài sản thế chấp được xác định lại trong các trường hợp sau:
Máy móc và thiết bị	285.649.505.140	- Hết thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm định giá gần nhất.
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.902.248.203	- Khi giá cả của tài sản cùng loại với tài sản thế chấp trên thị trường có biến động thay đổi giảm từ 20% trở lên so với giá của tài sản thế chấp thời điểm giá gần nhất
Cộng	<u>454.146.310.330</u>	

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	150.091.709.219	122.270.250.000	-	272.361.959.219
Phải trả người bán	92.144.533.655	-	-	92.144.533.655
Các khoản phải trả khác	25.015.399.811	-	-	25.015.399.811
Cộng	267.251.642.685	122.270.250.000	-	389.521.892.685
Số đầu năm				
Vay và nợ	136.737.697.285	113.374.250.000	-	250.111.947.285
Phải trả người bán	74.923.724.219	-	-	74.923.724.219
Các khoản phải trả khác	28.900.817.383	-	-	28.900.817.383
Cộng	240.562.238.887	113.374.250.000	-	353.936.488.887

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 42.567.738.704 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 129.713.762.143 đồng. Những điều kiện này, chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang trên đà hồi phục, đầu tư công tăng mạnh. Sản lượng xi măng tiêu thụ trong năm 2015 giảm so với năm trước, tuy nhiên do giá bán cao hơn năm trước nên đã tạo ra lãi cho hoạt động này là 2.468.178.941 đồng. Sản lượng bột đá tiêu thụ được trong năm 2015 khoảng 207.000 tấn, đem lại cho đơn vị 48.391.311.824 đồng tiền lãi. Đây chính là sản phẩm chiến lược mà đơn vị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.538.796.516	1.837.511.505	3.376.308.321
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.837.511.508	(1.837.511.505)	-
Phải thu dài hạn khác	216		295.125.743	295.125.743
Tài sản dài hạn khác	268	295.125.743	(295.125.743)	-
Tài sản cố định	220	236.385.464.871	(802.452.384)	235.583.012.487
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	802.452.384	802.452.384
Quỹ đầu tư phát triển	418	7.160.537.075	1.331.572.993	8.492.110.068
Quỹ dự phòng tài chính		1.331.572.993	(1.331.572.993)	-

Lập ngày 22 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tiến

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Giám đốc



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Công nợ phải thu khách hàng	-	7.150.296.851	4.909.755.629	8.797.532.426	4.288.589.198
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400	3.028.400	3.028.400
Đại lý bà Thu	Quá hạn trên 3 năm	5.426.200	5.426.200	5.426.200	5.426.200
Đại lý Thanh Hải	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	25.920.000	18.144.000	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	12.960.000
Đại lý Kế Hồng	Quá hạn trên 3 năm	4.691.575	4.691.575	Quá hạn trên 3 năm	4.691.575
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999
Đại lý ông Minh - Vinh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000
Đại lý ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000
Công ty cổ phần XD và TM Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000
UBND xã Văn Hội	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	10.250.000	3.075.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	10.250.000
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000
Đại lý bà Tâm	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000
Đại lý bà Lịch	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	16.310.000	8.155.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	16.310.000
Đại lý bà Hợp	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	17.150.000	8.575.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	17.150.000
Đại lý ông Vàng	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	34.139.500	17.069.750	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	34.139.500
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	71.970.000	35.985.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	71.970.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	41.950.000	20.975.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	41.950.000
Đại lý ông Hồng	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	38.579.080	19.289.540	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	38.579.080
Công ty TNHH một thành viên thương mại Hùng Cường	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	54.000.000	27.000.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	54.000.000
Đại lý ông Nguyễn Văn Tịnh	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	18.098.995	9.049.498	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	18.098.995
Đại lý ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	28.831.380	14.415.690	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	28.831.380
Đại lý ông Vũ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020
Công ty CP TM & ô tô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần LILAMA 3	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	175.784.204	87.892.102	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	175.784.204	52.735.261
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	33.000.000	16.500.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	33.000.000	9.900.000
Công ty cổ phần xây dựng Quang thịnh	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	46.466.500	13.939.950
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	104.820.000	52.410.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	104.820.000	31.446.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	130.000.000	91.000.000
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000
Lê Thanh Yên	hoàn nhập	-	-	Quá hạn trên 3 năm	20.198.000	20.198.000
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000
Công ty TNHH thương mại Nam Ngọc	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	6.080.000	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	9.080.000	2.724.000
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	40.000.000	20.000.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	40.000.000	12.000.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Khó có khả năng thu hồi	57.300.000	57.300.000	Khó có khả năng thu hồi	57.300.000	35.260.000
Ngô Chí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000
Bà Hương Cải	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650
Đại lý ông Cường	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	14.368.004	7.184.002	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.368.004	4.310.401
Đại lý ông Mạnh	Quá hạn trên 3 năm	15.940.000	15.940.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	15.940.000	11.158.000
Đại lý ông Dương	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	170.405.000	85.202.500	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	170.405.000	51.121.500
Công ty CP cơ khí thương mại Đức Hùng	Quá hạn trên 3 năm	126.580.000	126.580.000	Quá hạn trên 3 năm	152.130.000	152.130.000
Đại lý Ông Thành	Quá hạn trên 3 năm	29.320.000	29.320.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	29.320.000	20.524.000
Đại lý minh Lục	Quá hạn trên 3 năm	54.600.000	54.600.000	Quá hạn trên 3 năm	54.600.000	54.600.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	106.400.000	106.400.000	Quá hạn trên 3 năm	106.400.000	106.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Ngọc Lĩnh	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn trên 3 năm	37.900.000	37.900.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng XNK Siaai	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	39.300.000	11.790.000
Công ty CP XD và thương mại Tiến Thành	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	17.758.006	8.879.003	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	17.758.006	5.327.402
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	52.160.000	26.080.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	52.160.000	15.648.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Khó có khả năng thu hồi	51.680.000	51.680.000	Khó có khả năng thu hồi	51.680.000	34.316.000
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	24.102.436	16.871.705
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	65.801.430	32.900.715	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	65.801.430	19.740.429
Nguyễn Trí Dũng	trích lập	10.100.000	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	55.500.000	38.850.000
Ông Thắng	trích lập	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000
Bà Hào	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	17.540.000	12.278.000
Đại lý Hải Huệ	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	31.015.000	15.507.500	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	31.015.000	9.304.500
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	48.190.000	33.733.000
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	35.885.000	25.119.500	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	35.885.000	17.942.500
Thanh tra Sở Giao thông vận tải Yên Bái	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	30.300.000	9.090.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.300.000	9.090.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	44.550.000	31.185.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	330.718.000	165.359.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	330.718.000	99.215.400
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	105.860.000	74.102.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại VINASAN	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	10.732.273	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	28.112.273	8.433.682
Công ty cổ phần cơ giới xây dựng và hạ tầng	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	1.338.500	936.950

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	trích lập	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	87.100.000	60.970.000
Công ty TNHH Phước Long	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	15.820.000	7.910.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	15.820.000	4.746.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	33.875.000	16.937.500	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	33.875.000	10.162.500
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	217.486.500	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	310.695.000	217.486.500
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	93.870.000	65.709.000
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJCI	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	6.385.000	3.192.500	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6.385.000	1.915.500
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	90.991.000	45.495.500	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	90.991.000	27.297.300
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	7.420.410	3.710.205	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	7.420.410	2.226.123
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng Đại lý Mơ Nhở	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	20.969.775	10.484.888	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	20.969.775	6.290.933
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	14.104.000	7.052.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.104.000	4.231.200
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000
Ông Đông - Phục yên	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500
Ông Nuôi - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000
Bà Lơn - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000
Ông ưu - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	2.964.448	Khó có khả năng thu hồi	2.956.195	2.800.000
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000
Ông Vành	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000
	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Giấy và bao bì Phú Giang	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	31.539.000	9.461.700
Công ty TNHH SX và TM Vico	Quá hạn trên 3 năm	7.240.000	7.240.000	Quá hạn trên 3 năm	7.240.000	7.240.000
Công ty TNHH ĐTSX Thái Bình Dương	hoàn nhập	-	-	Quá hạn trên 3 năm	23.383.500	23.383.500
Xí nghiệp giấy Hiện Hoà	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000
Công ty cổ phần Duy Anh	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	20.002.000	6.000.600
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	156.800.000	78.400.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	156.800.000	47.040.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000
Ô.Tuỳ- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000
Cty TNHH SX - TM sơn Nhật Anh	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	53.070.075	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	48.750.075	14.625.023
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp TN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH TM DV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000
XNCN& DV TMTM Nam Việt- Cty CP lập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	98.707.565	69.095.296
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400
Công ty TNHH SXTM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782
Sarthak International	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	3.599.471	1.799.735	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	3.599.471	1.079.841
Jupiter Chemicals	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	2.673.676	1.336.838	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.673.676	802.103
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC - Miền bắc	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	6.569.045	4.598.332
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	444.956.000	222.478.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	444.956.000	133.486.800
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650
Công ty cổ phần xi măng Tuyên quang	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.183.838.270	355.151.481
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550
Công ty Cổ phần xi măng Hà giang	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	227.016.000	113.508.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	227.016.000	68.104.800
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	99.820.600	69.874.420
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700
Công ty TNHH cơ khí đúc Yên Lợi	Đã thu hồi	-	-	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	201.816.000	60.544.800
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH MTV khai thác CB K.san Nam Vương	Quá hạn trên 3 năm	225.303.843	225.303.843	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	225.303.843	157.712.690
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	8.285.500	4.142.750	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	8.285.500	2.485.650
Ông Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750
Ông Tạ Văn Tuyên	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	60.000.000	30.000.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	60.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Lập Hồng	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	25.200.000	7.560.000	-	25.200.000	-
Công ty TNHH XNK Hoa tháng	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	177.329.488	53.198.846	-	177.329.488	-
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	10.950.000	3.285.000	-	10.950.000	-
Đại lý ông Hội	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	112.520.460	33.756.138	-	112.520.460	-
Công ty TNHH Ngọc Hà Tuyên Quang	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	85.310.000	25.593.000	-	85.310.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Vinh Tập	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	178.436.004	53.530.801	-	178.436.004	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thạch Lâm	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	65.180.000	19.554.000		65.180.000	-
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	4.100.000	1.230.000		4.100.000	-
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	325.250.000	97.575.000		325.250.000	-
CN Cty/TNHH MTV hơi KN que hàn-NM ĐĐ&HC Trảng Kênh	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	166.436.500	49.930.950		166.436.500	-
Công nợ phải thu khác		29.100.000	29.100.000		29.100.000	29.100.000
Ông Chu Thành Khiêm	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000
Ông Lương Văn Tèo	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000
Cộng		7.179.396.851	4.938.855.629		8.826.632.426	4.317.689.198

